

Số: /TTr-UBND

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết quy định về một số chính sách phát triển nông nghiệp thành phố Hà Nội (thực hiện khoản 2 Điều 32 Luật Thủ đô)

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố dự thảo Nghị quyết Quy định về một số chính sách phát triển nông nghiệp thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ định hướng phát triển nông nghiệp nông thôn tại Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 quy định “*Phát triển kinh tế Thủ đô nhanh và bền vững trên cơ sở tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, đổi mới nông nghiệp tập trung cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, phát triển nông nghiệp sinh thái, công nghệ cao; phấn đấu trở thành địa phương đi đầu trong phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh, gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá, lịch sử truyền thống dân tộc. Ưu tiên xây dựng vành đai xanh, bảo đảm môi trường sống. Chú trọng phát triển công nghệ giống, công nghệ bảo quản, chế biến sau thu hoạch, gắn với phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm.*”

Căn cứ mục tiêu tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 quy định: “*Nông dân và cư dân nông thôn có trình độ, đời sống vật chất và tinh thần ngày càng cao, làm chủ quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn. Nông nghiệp phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia, quy mô sản xuất hàng hoá nông sản ngày càng lớn, bảo đảm môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu. Nông thôn phát triển toàn diện, có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, cơ cấu kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, môi trường sống an toàn, lành mạnh, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững; tổ chức đảng và hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch, vững mạnh.*”

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 32 Luật Thủ đô quy định:

“1. Phát triển nông nghiệp Thủ đô theo hướng nông nghiệp sinh thái, bền vững; chú trọng đến sự tương tác giữa các yếu tố môi trường, kinh tế - xã hội nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử trong nông nghiệp, nông thôn; phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường, hệ sinh thái, tạo ra các sản phẩm chất lượng, an toàn thực phẩm, hiệu quả kinh tế cao.

Phát triển bền vững các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung. Trong vùng sản xuất nông nghiệp tập trung được sử dụng đất kết hợp đa mục đích, được bố trí đất nông nghiệp sử dụng vào việc xây dựng công trình phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp, chế biến, bảo quản, trưng bày, giới thiệu sản phẩm, giáo dục trải nghiệm, du lịch sinh thái.

2. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định phạm vi, đối tượng, nội dung, mức hỗ trợ cao hơn mức quy định hoặc chưa được quy định trong văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên trong các lĩnh vực sau đây:

- a) Giống, chuyển giao công nghệ trong sản xuất giống;*
- b) Công nghệ bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp;*
- c) Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp;*
- d) Phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp kết hợp du lịch, giáo dục trải nghiệm, nông nghiệp kết hợp với các hoạt động thương mại, dịch vụ;*
- đ) Hoạt động bảo vệ môi trường trong sản xuất, sơ chế, chế biến nông sản;*
- e) Phát triển các chuỗi liên kết, chuỗi giá trị, thị trường tiêu thụ sản phẩm;*
- g) Phát triển kinh tế tập thể, làng nghề, làng có nghề;*
- h) Đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao; doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.”*

Căn cứ mục tiêu tại Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050: *“Xây dựng nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa đồng thời phát triển nông nghiệp dựa trên lợi thế địa phương, theo hướng hiện đại có năng suất, chất lượng, hiệu quả, bền vững và sức cạnh tranh cao thuộc nhóm dẫn đầu trong khu vực và trên thế giới, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia, góp phần quan trọng trong việc ổn định kinh tế - xã hội, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, thực hiện có hiệu quả các cam kết quốc tế về giảm phát thải khí nhà kính. Nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống, vai trò và vị thế của người tham gia sản xuất nông nghiệp; tạo việc làm phi nông nghiệp để phát triển sinh kế đa dạng, giảm nghèo bền vững cho người dân nông thôn, đảm bảo cơ hội phát triển công bằng giữa các vùng, miền. Phát triển nông thôn toàn diện, hiện đại gắn với quá trình đô thị hóa, có cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội đồng bộ và tiệm cận với khu vực đô thị; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; xây dựng nông thôn xanh, sạch, đẹp, an ninh, trật tự được đảm bảo.*

Phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái có hiệu quả cao, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh.”

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/NQ-HĐND;

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14;

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14;

Căn cứ Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14;

Căn cứ Luật Thủ đô số 39/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ.

2. Căn cứ thực tiễn

Giai đoạn 2021-2025 là thời kỳ quan trọng trong việc cơ cấu lại ngành nông nghiệp của Hà Nội, nhằm chuyển đổi nền nông nghiệp theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững. Kết quả công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, thủy sản đã đạt được những thành tựu nhất định, trong đó lĩnh vực trồng trọt thực hiện cơ cấu theo hướng nâng cao hiệu quả sử dụng đất tạo năng suất, sản lượng, giá trị kinh tế cao, chăn nuôi phát triển ổn định, dịch bệnh được kiểm soát, số lượng đàn gia súc, gia cầm tăng, nuôi trồng thủy sản tiếp tục được duy trì. Tăng trưởng sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản 4 năm 2021-2024 đạt chỉ tiêu đề ra trung bình 2,83%, cụ thể: năm 2021 đạt 3,46%; năm 2022 đạt 2,58%; năm 2023 đạt 2,74%; năm 2024 đạt 2,52%; đặc biệt trong những năm đại dịch Covid-19, ngành nông nghiệp vẫn tiếp tục khẳng định vai trò là trụ đỡ của nền kinh tế, đảm bảo nguồn cung lương thực, thực phẩm để phục vụ công tác phòng chống dịch.

Tuy nhiên, việc phát triển nông nghiệp, nông thôn vẫn còn tồn tại một số vấn đề như sau: việc đổi mới phương thức sản xuất từ truyền thống sang sản xuất công nghệ cao vẫn gặp nhiều khó khăn do thiếu nguồn lực, đào tạo kỹ thuật và vốn đầu tư ban đầu; vẫn phải đối mặt với thách thức về quản lý môi trường và bảo vệ đất đai trong sản xuất nông nghiệp, đặc biệt trong việc sử dụng phân bón hóa học và thuốc bảo vệ thực vật, ô nhiễm nguồn nước; khó khăn trong liên kết

sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; diện tích sản xuất ngày càng bị thu hẹp, do tốc độ đô thị hóa quá nhanh; việc tập trung ruộng đất phát triển sản xuất quy mô lớn, theo chuỗi giá trị còn gặp nhiều khó khăn.

Năm 2023, Hội đồng nhân dân Thành phố đã ban hành Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 quy định về một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp. Sau 02 năm triển khai, thực hiện đã đạt được một số kết quả bước đầu, được nhân dân đồng tình ủng hộ, trong đó chính sách cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp và chính sách bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, cụ thể như sau:

- Chính sách cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp: Thông qua Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023, năm 2024 các địa phương đã hỗ trợ được 48 máy cấy với kinh phí 8.503 triệu đồng, dự kiến năm 2025 hỗ trợ được 84 máy cấy với kinh phí 15.760 triệu đồng. So với năm 2022, tỷ lệ cấy máy toàn Thành phố tăng trung bình 15%, việc khuyến khích đưa cơ giới hóa sản xuất mạ khay, cấy máy là một bước tiến trong chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất nông nghiệp, giúp người dân thay đổi tập quán sản xuất lúa nhỏ lẻ, giải phóng sức lao động, tạo điều kiện để sản xuất lúa hàng hóa tập trung với quy mô lớn, góp phần giảm chi phí và mang lại hiệu quả kinh tế cao. Qua kiểm tra thực tế triển khai trên địa bàn Thành phố, chi phí cấy lúa bằng máy (gồm chi phí giống, công gieo, chăm sóc mạ và công cấy bằng máy) từ 9 - 10 triệu đồng/ha thấp hơn so với cấy thủ công từ 2 - 3 triệu đồng/ha; năng suất thực tế tại các điểm cấy máy cao hơn từ 8-10%, hiệu quả kinh tế cao hơn so với phương pháp cấy lúa truyền thống từ 6 – 7 triệu đồng/ha. Qua triển khai thực hiện, đã được nhân dân hưởng ứng và đón nhận nhiệt tình. Ghi nhận tại một số địa phương thì đã có nhiều xã, Hợp tác xã đăng ký hỗ trợ.

- Chính sách bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp: Kinh phí hỗ trợ của chính sách bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp năm 2024 đạt 28.148 triệu đồng với diện tích 4.758 ha được hỗ trợ chế phẩm sinh học xử lý phụ phẩm cây trồng, rơm rạ, 9.615 thùng chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật, 85 cơ sở được hỗ trợ chế phẩm sinh học xử lý chất thải chăn nuôi, 939 ha hỗ trợ sản phẩm xử lý môi trường trong nuôi trồng thủy sản, 126 thiết bị làm giàu oxy. Dự kiến năm 2025 kinh phí hỗ trợ chính sách bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố đạt 145.534 triệu đồng.

Việc thực hiện chính sách bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố đã nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường, hạn chế dịch bệnh trong sản xuất trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản: Nhiều cơ sở chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản đã được hỗ trợ cải thiện môi trường; Hầu hết các vùng sản xuất tập trung được thu gom vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật theo đúng quy định; Người dân đã tích cực sử dụng chế phẩm vi sinh để xử lý rơm rạ, phụ phẩm cây trồng thành phân bón hữu cơ cải tạo đất, trả lại dinh dưỡng cho đất, giúp tăng độ phì nhiêu cho đất, hạn chế các mầm bệnh còn tồn dư trên phụ phẩm, hạn chế lây lan sâu bệnh, từ đó giảm lượng thuốc bảo vệ thực vật sử dụng trên cây trồng, giảm chi phí phân bón, góp phần nâng cao năng suất và hiệu quả kinh tế trong sản

xuất đồng thời giảm việc đốt rơm rạ gây ảnh hưởng đến chất lượng không khí vào cuối vụ tại các vùng sản xuất lúa.

- Ngoài ra, một số chính sách tại Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 tiếp tục được kế thừa và triển khai có hiệu quả như: hỗ trợ tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường; chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản; hỗ trợ cấp mã số vùng trồng.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong quá trình triển khai, thực hiện Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 còn một số tồn tại, hạn chế và khó khăn, vướng mắc như:

- Công tác thông tin tuyên truyền đã được quan tâm, triển khai từ cấp Thành phố đến cấp cơ sở, tuy nhiên hiệu quả vẫn chưa cao, nhiều tổ chức, cá nhân chưa nắm được cơ chế, chính sách mới để đăng ký hỗ trợ.

- Việc bố trí kinh phí để thực hiện các chính sách về sản xuất nông nghiệp của các địa phương còn hạn chế, nhiều địa phương không bố trí.

- Một số địa phương có tâm lý ngại thực hiện các nội dung mới, khó, chưa chủ động nghiên cứu các quy định, chưa linh hoạt trong triển khai thực hiện.

- Một số chính sách chậm triển khai do chưa chủ động trong công tác xây dựng kế hoạch, nội dung và mức hỗ trợ chưa thu hút được các tổ chức, cá nhân đầu tư vào sản xuất nông nghiệp, điều kiện hỗ trợ chưa phù hợp với thực tiễn sản xuất như: Chính sách khuyến khích sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản; Chính sách khuyến khích xây dựng cơ sở sơ chế, chế biến, bảo quản giống, bảo quản nông sản; Chính sách hỗ trợ cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung; Chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Chính sách hỗ trợ xây dựng mô hình điểm phát triển nông nghiệp sinh thái kết hợp du lịch, trải nghiệm chưa triển khai thực hiện được do chưa có tiêu chí cụ thể về nông nghiệp sinh thái kết hợp du lịch, trải nghiệm vì vậy các địa phương không có cơ sở để phê duyệt phương án.

Kế thừa, phát huy kết quả đã đạt được, căn cứ chủ trương, định hướng phát triển nông nghiệp, nông thôn Thủ đô tại Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Bộ chính trị, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII và yêu cầu từ thực tiễn sản xuất trong giai đoạn phát triển mới, thành phố Hà Nội xác định mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng nông nghiệp sinh thái, bền vững; chú trọng đến sự tương tác giữa các yếu tố môi trường, kinh tế - xã hội nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử trong nông nghiệp, nông thôn; phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường, hệ sinh thái, tạo ra các sản phẩm chất lượng, an toàn thực phẩm, hiệu quả kinh tế cao. Xây dựng nền nông nghiệp hàng hóa tập trung, thân thiện môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và hội nhập

quốc tế. Nâng cao thu nhập và đời sống dân cư, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực, thực phẩm trong tình hình mới. Đẩy mạnh phát triển nền nông nghiệp hiện đại, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn gắn với phát triển công nghiệp chế biến nông sản, thích ứng với biến đổi khí hậu và kết nối bền vững với chuỗi giá trị nông sản toàn cầu; tiếp tục đẩy mạnh phát triển sản xuất cây, con giống; phát triển nông nghiệp xanh, sinh thái thông minh, gắn với phát triển đô thị, dịch vụ, du lịch nông thôn, giáo dục trải nghiệm, tạo việc làm cho người lao động ở nông thôn.

Để phát triển nông nghiệp, nông thôn phù hợp với đặc thù, nguồn lực, lợi thế, tiềm năng của Thủ đô, phù hợp với định hướng phát triển nhằm phát huy tối đa tiềm năng lợi thế của ngành nông nghiệp Hà Nội, góp phần hoàn thành các mục tiêu nêu trên, Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 được Quốc hội thông qua trong đó quy định Điều 32 về phát triển nông nghiệp, nông thôn đã cho phép Hà Nội có các cơ chế, chính sách cao hơn, mạnh hơn và ngoài các quy định của Trung ương, cụ thể tại khoản 2 Điều 32 quy định:

“2. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định phạm vi, đối tượng, nội dung, mức hỗ trợ cao hơn mức quy định hoặc chưa được quy định trong văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên trong các lĩnh vực sau đây:

- a) Giống, chuyển giao công nghệ trong sản xuất giống;*
- b) Công nghệ bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp;*
- c) Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp;*
- d) Phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp kết hợp du lịch, giáo dục trải nghiệm, nông nghiệp kết hợp với các hoạt động thương mại, dịch vụ;*
- đ) Hoạt động bảo vệ môi trường trong sản xuất, sơ chế, chế biến nông sản;*
- e) Phát triển các chuỗi liên kết, chuỗi giá trị, thị trường tiêu thụ sản phẩm;*
- g) Phát triển kinh tế tập thể, làng nghề, làng có nghề;*
- h) Đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao; doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.”*

Như vậy, một số chính sách tại Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023 nằm trong quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Thủ đô như: chính sách khuyến khích sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản; chính sách khuyến khích xây dựng cơ sở sơ chế, chế biến, bảo quản giống, bảo quản nông sản; chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; chính sách bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp; chính sách hỗ trợ xây dựng mô hình điểm phát triển nông nghiệp sinh thái kết hợp du lịch, trải nghiệm.

Để thống nhất thực hiện các cơ chế, chính sách về phát triển nông nghiệp trên địa bàn Thành phố, tránh quy định chồng chéo, thuận lợi cho công tác quản lý, theo dõi của cơ quan quản lý và việc nắm bắt, cập nhật thông tin chính sách

của các đối tượng thụ hưởng, việc ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách phát triển nông nghiệp thành phố Hà Nội để thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Thủ đô và thay thế Nghị quyết số 08/2023/NQ- HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023 là hết sức cần thiết.

Xuất phát từ những căn cứ nêu trên, Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách phát triển nông nghiệp thành phố Hà Nội.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

- Quy định cụ thể phạm vi, đối tượng, điều kiện, nội dung, mức hỗ trợ một số chính sách phát triển nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Góp phần thúc đẩy phát triển nông nghiệp Thủ đô theo hướng nông nghiệp sinh thái, bền vững; chú trọng đến sự tương tác giữa các yếu tố môi trường, kinh tế - xã hội nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử trong nông nghiệp, nông thôn; phòng, chống thiên tai, phát triển bền vững các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung.

- Nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho người nông dân thông qua sự kết hợp giữa sản xuất nông nghiệp gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm, du lịch sinh thái, trải nghiệm. Góp phần hoàn thành thắng lợi mục tiêu tăng trưởng ngành nông nghiệp trong kỷ nguyên mới “Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”.

2. Quan điểm

- Bám sát các quy định của Luật Thủ đô, Luật Ngân sách nhà nước, các Luật chuyên ngành và định hướng phát triển nông nghiệp của Trung ương và Thành phố.

- Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 quy định về một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp thành phố Hà Nội.

- Có sự tham gia ý kiến của các nhà khoa học, các chuyên gia, các Sở, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường và ý kiến của các tổ chức, cá nhân, cơ sở sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố.

- Đảm bảo sự công khai, minh bạch, đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

- Ngày 31/7/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành Quyết định số 1186/QĐ-SNNMT về việc thành lập Tổ xây dựng Nghị quyết của HĐND Thành phố quy định về một số chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn thành phố Hà Nội (thực hiện khoản 2 Điều 32 Luật Thủ đô).

- Ngày 18/8/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tổ chức Hội thảo triển khai xây dựng Nghị quyết và mời các chuyên gia, nhà khoa học, lãnh đạo các Cục, Vụ, Viện thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường tham dự.

- Ngày 15/10/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tổ chức Hội thảo đề thảo luận, đề xuất, góp ý đối với nhóm chính sách phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp kết hợp du lịch; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp (chuyên đổi số); Công nghệ bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp, trong đó có sự tham dự của các tổ chức, cá nhân, cơ sở sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố.

- Ngày 27/10/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tổ chức Hội thảo đề thảo luận, đề xuất, góp ý đối với nhóm chính sách chính sách hỗ trợ giống, chuyển giao công nghệ trong sản xuất giống; phát triển các chuỗi liên kết, chuỗi giá trị, thị trường tiêu thụ sản phẩm, trong đó có sự tham dự của các tổ chức, cá nhân, cơ sở sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố.

- Ngày 14/10/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã xây dựng dự thảo Nghị quyết, hồ sơ kèm theo và có văn bản số 8060/SNNMT-CS gửi các sở, ngành Thành phố và UBND các xã, phường để xin ý kiến góp ý, văn bản số 8073/SNNMT-CS về việc đăng tải lên cổng thông tin điện tử Thành phố.

- Ngày 04/11/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có văn bản số 8954/SNNMT-CS gửi Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội về việc tổ chức Hội nghị phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết.

- Trên cơ sở ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết và có văn bản số 9276/SNNMT-CS ngày 10/11/2025 gửi Sở Tư pháp để thẩm định.

- Ngày 12/11/2025, Sở Tư pháp đã có Báo cáo số 328/BC-STP thẩm định dự thảo Nghị quyết.

- Ngày 14/11/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường có Báo cáo số 402/BC-SNNMT về việc tiếp thu, giải trình nội dung thẩm định của Sở Tư pháp.

- Ngày 14/11/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân Thành phố tại Tờ trình số 976/TTr-SNNMT.

- Ngày 17/11/2025, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố có Văn bản số 18785/VP-NNMT xin ý kiến Thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách phát triển nông nghiệp thành phố Hà Nội.

- Ngày 19/11/2025, Ủy ban nhân dân Thành phố có Thông báo kết luận số 1364/TB-UBND về việc ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách phát triển nông nghiệp thành phố Hà Nội (thực hiện khoản 2 Điều 32 Luật Thủ đô), trong đó thống nhất thông qua đề nghị ban hành Nghị quyết.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định phạm vi, đối tượng, nội dung, mức hỗ trợ một số chính sách phát triển nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội.

1.2. Đối tượng áp dụng

a) Các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác (gọi chung là tổ chức); hộ gia đình, cá nhân (gọi chung là cá nhân) trực tiếp tham gia hoạt động sản xuất, dịch vụ nông nghiệp trên địa bàn Thành phố.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ theo Quy định này.

2. Bố cục của dự thảo Nghị quyết

Bố cục gồm Nghị quyết và Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết:

- Nghị quyết: gồm 3 Điều
- Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết: gồm 3 Chương 26 Điều

3. Nội dung cơ bản của Quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết

3.1. Chương I. Những quy định chung, gồm 3 Điều (từ Điều 1 đến Điều 3) quy định cụ thể về Phạm vi áp dụng; Đối tượng áp dụng; Nguyên tắc áp dụng

3.2. Chương II. Quy định cụ thể, gồm 7 Mục, 19 Điều, cụ thể như sau

a) Mục 1 quy định một số chính sách chung gồm có 4 Điều từ Điều 4 đến Điều 7:

- Điều 4. Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường: Đề xuất tiếp tục thực hiện theo Điều 4 Quy định kèm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND và đề xuất: bổ sung nội dung hỗ trợ chi phí thanh toán tiền phương tiện đi lại, tiền thuê phòng nghỉ, phụ cấp tiền ăn cho giảng viên, hướng dẫn viên; tăng mức hỗ trợ tiền ăn từ 50.000 đồng/ngày/học viên lên 100.000 đồng/ngày/học viên.

- Điều 5. Hỗ trợ cấp mã số vùng trồng: Đề xuất tiếp tục thực hiện theo Điều 12 Quy định kèm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND.

- Điều 6. Hỗ trợ truy xuất nguồn gốc, chứng nhận sản phẩm nông nghiệp

- + Hỗ trợ một lần 100% chi phí thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc tại cơ sở để tham gia Hệ thống truy xuất nguồn điện tử gốc đạt chuẩn theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các văn bản hướng dẫn, thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và thiết kế mới hoặc nâng cấp mẫu bao bì, in tem nhãn điện tử chứa thông tin truy xuất nguồn gốc, mức hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/tổ chức, cá nhân;

+ Hỗ trợ 01 lần 100% nhưng không quá 65 triệu đồng/tổ chức, cá nhân chi phí tư vấn, đánh giá, chứng nhận hoạt động sản xuất nông nghiệp theo quy trình thực hành tốt như VietGAP, VietGAHP, GlobalGAP, GACP – WHO, hữu cơ và tương đương; hoạt động giết mổ, sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm nông lâm thủy sản theo hệ thống kiểm soát mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn – HACCP, hệ thống quản lý an toàn thực phẩm – ISO 22000.

- Điều 7. Hỗ trợ công triển khai, chi trả hỗ trợ sản xuất của thôn/khu phố: Hỗ trợ 100% tiền công triển khai, chi trả hỗ trợ sản xuất với mức 120 nghìn đồng/ha.

b) Mục 2. Chính sách hỗ trợ giống, chuyển giao công nghệ trong sản xuất giống: theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 32 Luật Thủ đô, bao gồm 3 Điều từ Điều 8 đến Điều 10:

- Điều 8. Hỗ trợ sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản:

Đề xuất chỉnh sửa đối tượng, điều kiện hỗ trợ: Các tổ chức có dự án đầu tư sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn Thành phố được thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan, đáp ứng các điều kiện về sản xuất giống theo quy định của pháp luật về trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản.

Nội dung và mức hỗ trợ:

+ Hỗ trợ tín dụng: Được hỗ trợ 01 lần 100% lãi suất vay trong thời hạn 03 năm (36 tháng) theo hợp đồng vay vốn nhưng không vượt quá lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại thời điểm ký hợp đồng vay vốn để đầu tư chuẩn hoá cơ sở hạ tầng, công nghệ, con giống để đáp ứng yêu cầu, điều kiện sản xuất giống. Tiến độ hỗ trợ theo kỳ trả lãi của ngân hàng.

+ Hỗ trợ nhập khẩu giống vật nuôi, thủy sản: Các tổ chức, cá nhân sản xuất giống vật nuôi, thủy sản nhập khẩu (tự nhập khẩu hoặc ủy thác nhập khẩu) giống vật nuôi, thủy sản không được hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này:

Được hỗ trợ 50% kinh phí nhập khẩu (giá con giống) giống bò thuần chủng, giống lợn cụ kỵ, ông bà năng suất chất lượng cao tối đa không quá 5 tỷ đồng/tổ chức, cá nhân Mỗi đối tượng được hỗ trợ 01 lần.

Được hỗ trợ 50% kinh phí nhập khẩu (giá con giống) giống gốc thủy sản thuần chủng, giống thủy sản bố mẹ tối đa không quá 1 tỷ đồng/tổ chức, cá nhân. Mỗi đối tượng được hỗ trợ 01 lần.

+ Hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật Thủ đô: Các tổ chức có dự án sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản ứng dụng công nghệ cao được duyệt theo quy định:

Được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước 10 năm và giảm 50% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho thời gian còn lại. Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng

tạo được giảm 50% tiền thuê mặt bằng sản xuất, kinh doanh tại các trung tâm đổi mới sáng tạo của Thành phố.

Được áp dụng mức thuế suất 5% thuế thu nhập doanh nghiệp, trong đó, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 04 năm và giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với thu nhập của doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới quy định tại điểm này được tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư.

- Điều 9. Hỗ trợ sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản theo Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp: Đề xuất tiếp tục thực hiện theo điểm b khoản 1 Điều 5 Quy định kèm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND, đồng thời đề xuất sửa đổi, nâng mức hỗ trợ từ 10% lên 50% đối với chi phí sản xuất giống bố mẹ lĩnh vực chăn nuôi.

- Điều 10. Hỗ trợ giống để sản xuất lúa tại các vùng quy hoạch trồng lúa năng suất, chất lượng cao; vùng sản xuất lúa tập trung: Hỗ trợ 50% kinh phí mua giống.

c) Mục 3. Chính sách bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp: theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 32 Luật Thủ đô, bao gồm 2 Điều từ Điều 11 đến Điều 12:

- Điều 11. Hỗ trợ cơ sở sơ chế, chế biến, bảo quản giống, bảo quản nông sản gồm 2 khoản:

+ Khoản 1. Hỗ trợ tín dụng: đề xuất tiếp tục hỗ trợ theo quy định tại Điều 6 Quy định kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND, đồng thời đề xuất sửa đổi điều kiện đối tượng, điều kiện hỗ trợ: Các tổ chức có dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây mới cơ sở sơ chế, chế biến, bảo quản giống, bảo quản nông sản được thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan, đáp ứng các điều kiện về an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.

+ Khoản 2. Hỗ trợ thiết bị, máy móc: Hỗ trợ tối đa 50% kinh phí mua thiết bị, máy móc để lắp đặt hệ thống sơ chế, bảo quản nhưng không quá 01 tỷ đồng/tổ chức, cá nhân.

- Điều 12. Hỗ trợ cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung:

+ Đối với hỗ trợ lãi suất: Đề xuất tiếp tục thực hiện theo điểm a khoản 2 Điều 7 Quy định kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND, đồng thời đề xuất sửa đổi đối tượng, điều kiện hỗ trợ: Các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở giết mổ tập trung, công nghiệp được thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan.

+ Đề xuất bổ sung nội dung hỗ trợ lãi suất đối với việc mua xe ô tô vận chuyển thịt từ cơ sở giết mổ đến nơi tiêu thụ: Các tổ chức, cá nhân không được hỗ trợ lãi suất khi có dự án xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở giết mổ tập trung, công nghiệp được duyệt theo quy định thì được hỗ trợ 01 lần 100% lãi

suất vay trong thời hạn 03 năm (36 tháng) để mua xe ô tô vận chuyển thịt từ cơ sở giết mổ đến nơi tiêu thụ. Mức hỗ trợ theo hợp đồng vay vốn nhưng không vượt quá lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại thời điểm ký hợp đồng vay vốn. Tiến độ hỗ trợ theo kỳ trả lãi của ngân hàng.

+ Đối với hỗ trợ chi phí giết mổ: Đề xuất tiếp tục thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Quy định kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND.

+ Đề xuất bổ sung nội dung hỗ trợ chi phí xử lý nước thải: Hỗ trợ tối đa 50% chi phí xử lý nước thải với mức 10 nghìn đồng/m³, mỗi tổ chức, cá nhân được hỗ trợ không quá 160 triệu đồng/năm

d) Mục 4. Chính sách ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp: theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 32 Luật Thủ đô, bao gồm 4 Điều từ Điều 13 đến Điều 16:

- Điều 13. Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp: Đề xuất tiếp tục thực hiện theo quy định tại Điều 11 Quy định kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND, đồng thời đề xuất sửa đổi đối tượng, điều kiện hỗ trợ là các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan và đề xuất bổ sung nội dung, mức hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật Thủ đô về ưu đãi đầu tư.

- Điều 14. Hỗ trợ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp, gồm 03 khoản:

+ Khoản 1: Hỗ trợ tín dụng: Đề xuất tiếp tục thực hiện theo khoản 1 Điều 8 Quy định kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND, đồng thời bổ sung nội dung mức vay được hỗ trợ tối đa 100% giá trị sản phẩm.

+ Khoản 2. Hỗ trợ mua máy cấy, hệ thống thiết bị gieo mạ phục vụ cơ giới hóa trong sản xuất lúa: Đề xuất tiếp tục thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy định kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND, đồng thời đề xuất bổ sung hỗ trợ hệ thống thiết bị gieo mạ để đồng bộ việc cơ giới hoá trong sản xuất lúa.

+ Khoản 3. Hỗ trợ kinh phí cây máy, phun thuốc bảo vệ thực vật bằng thiết bị bay không người lái: Đề xuất tiếp tục thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Quy định kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND.

- Điều 15. Hỗ trợ khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thông minh

+ Đối với trồng trọt: Hỗ trợ 50% kinh phí mua máy móc, thiết bị tích hợp cảm biến để lắp đặt hệ thống điều khiển tự động IoT tưới tiết kiệm, chiếu sáng nhân tạo, làm mát, làm lạnh; hệ thống cảm biến, điều khiển tự động điều chỉnh ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm; thiết bị cảm biến thông minh điều chỉnh nước, phân bón, phun thuốc, đo EC, PH; camera và hệ thống đường truyền để ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ thuật số trong dự tính, dự báo về sinh vật gây hại và quản lý cây trồng; thiết bị/tủ điều khiển tự động, bán tự động; phần mềm quản lý; máy tính, đường truyền. Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà màng, nhà lưới theo quy định tại khoản 3 Điều 16.

+ Đối với chăn nuôi: Hỗ trợ 50% kinh phí mua máy móc, thiết bị tích hợp cảm biến để lắp đặt hệ thống điều khiển tự động IoT máng ăn có kết hợp điều chỉnh khẩu phần theo giai đoạn, uống nước, làm mát, làm lạnh; thẻ tai - vòng đeo điện tử; Thiết bị định lượng thức ăn dựa trên cân nặng và tuổi vật nuôi; mua máy móc, thiết bị lắp đặt hệ thống cảm biến và giám sát camera; hệ thống quan trắc môi trường; hệ thống cảm biến ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm không khí, khử khuẩn; thiết bị khử trùng không khí, phun sương sát khuẩn tự động; thiết bị/tủ điều khiển tự động, bán tự động; phần mềm quản lý; phần mềm ứng dụng theo dõi sức khỏe, tiêm phòng, dịch bệnh, nhật ký đàn; ứng dụng cảnh báo qua điện thoại; máy tính, đường truyền.

+ Đối với thủy sản: Hỗ trợ 50% kinh phí mua máy móc, thiết bị tích hợp cảm biến để lắp đặt hệ thống điều khiển tự động IoT cấp oxy, cho ăn; công nghệ quản lý môi trường nuôi trồng thủy sản thương phẩm (công nghệ eGAP; mua máy móc, thiết bị lắp đặt hệ thống cảm biến, giám sát camera và cảnh báo môi trường nước thông minh kết hợp năng lượng mặt trời); thiết bị/tủ điều khiển tự động, bán tự động; phần mềm quản lý; máy tính, đường truyền.

+ Tổng mức hỗ trợ tối đa 1,5 tỷ đồng/tổ chức, cá nhân

- Điều 16. Hỗ trợ xây dựng nhà màng, nhà lưới để sản xuất một số loại cây trồng có giá trị kinh tế cao: Hỗ trợ xây dựng mới nhà lưới với mức 80 nghìn đồng/m², nhà màng với mức 150 nghìn đồng/m²; được hỗ trợ 01 lần không quá 01 tỷ đồng/tổ chức, cá nhân

đ) Mục 5. Chính sách phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp kết hợp du lịch: theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 32 Luật Thủ đô, bao gồm 2 Điều từ Điều 17 đến Điều 18:

- Điều 17. Hỗ trợ phát triển sản xuất trồng trọt hữu cơ: Hỗ trợ 01 lần 25 triệu đồng/ha đối với sản xuất lúa đạt tiêu chuẩn hữu cơ; Hỗ trợ 01 lần 50 triệu đồng/ha đối với sản xuất loại cây trồng khác đạt tiêu chuẩn hữu cơ.

- Điều 18. Hỗ trợ xây dựng mô hình nông nghiệp kết hợp du lịch

+ Hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng phương án tối đa không quá 300 triệu đồng/tổ chức, cá nhân;

+ Được hỗ trợ theo quy định tại khoản 3 Điều 15, khoản 3 Điều 16;

+ Hỗ trợ 100% kinh phí tuyên truyền, quảng bá hình ảnh về mô hình sản xuất nông nghiệp sinh thái kết hợp du lịch;

+ Tổng mức hỗ trợ tối đa không quá 03 tỷ đồng cho 01 mô hình.

e) Mục 6. Chính sách bảo vệ môi trường trong sản xuất, sơ chế, chế biến nông sản: theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 32 Luật Thủ đô, bao gồm 2 Điều từ Điều 19 đến Điều 20:

- Điều 19. Hỗ trợ bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp: Đề xuất tiếp tục thực hiện theo Điều 14 Quy định kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND, đồng thời đề xuất tăng mức hỗ trợ mua chế phẩm sinh học để xử lý phụ phẩm cây trồng, rơm rạ từ 50% lên 100%.

- Điều 20. Hỗ trợ trang thiết bị, công nghệ xử lý chất thải trong chăn nuôi:
+ Hỗ trợ 50% kinh phí mua máy tách phân nhưng không quá 100 triệu đồng/cơ sở.

+ Hỗ trợ 100% mua bể bioga; 100% kinh phí mua gạch, cát, xi măng, thép để xây dựng công trình xử lý chất thải trong chăn nuôi nhưng không quá 500 triệu đồng/cơ sở.

f) Mục 7. Chính sách phát triển các chuỗi liên kết, chuỗi giá trị, thị trường tiêu thụ sản phẩm: theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 32 Luật Thủ đô, bao gồm 2 Điều từ Điều 21 đến Điều 22:

- Điều 21. Hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp: Đề xuất tiếp tục thực hiện theo Điều 10 Quy định kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND, đồng thời sửa đổi, bổ sung nội dung chi về tư vấn xây dựng liên kết như sau:

+ Chi khảo sát, điều tra xác định, lựa chọn địa bàn thực hiện kế hoạch liên kết và các hộ có nhu cầu, điều kiện đề tham gia kế hoạch liên kết, nội dung và mức chi thực hiện theo Nghị quyết của HĐND Thành phố về nội dung và mức chi của các cuộc điều tra thống kê do ngân sách Thành phố bảo đảm hoặc Văn bản hướng dẫn thực hiện về điều tra thống kê theo quy định.

+ Chi chuyên gia tư vấn nghiên cứu, lập và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện kế hoạch liên kết, phương án sản xuất: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV ngày 07/5/2025 của Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu.

- Điều 22. Hỗ trợ phát triển sản xuất cây vụ Đông trên đất trồng lúa: Hỗ trợ tối đa 50% chi phí sản xuất cho tổ chức, cá nhân nhưng không quá 30 triệu đồng/ha đối với cây khoai tây và 12 triệu đồng/ha đối với cây đậu tương, cây ngô. Thời gian hỗ trợ tối đa 05 vụ Đông sản xuất liên tiếp.

3.3. Chương III. Điều khoản thi hành gồm 4 Điều từ Điều 23 đến Điều 26:

- Điều 23. Quy định về việc dừng hỗ trợ, thu hồi kinh phí hỗ trợ của tổ chức, cá nhân

- Điều 24. Quy định chuyển tiếp

- Điều 25. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố

- Điều 26. Sửa đổi, bổ sung quy định

(Có dự thảo Nghị quyết kèm theo)

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo cho việc thi hành văn bản

Việc phân bổ kinh phí thực hiện chính sách tại dự thảo Nghị quyết theo hướng phân cấp triệt để cho cấp xã thực hiện, cụ thể như sau:

- Tổng kinh phí thực hiện 01 năm dự kiến xấp xỉ **1.637 tỷ đồng**, trong đó: kinh phí hỗ trợ của nhà nước là 669,1 tỷ đồng; kinh phí đối ứng của các tổ chức, cá nhân là 967,5 tỷ đồng.

- Tổng kinh phí hỗ trợ 01 năm dự kiến là **669,1 tỷ đồng**, trong đó:

+ Kinh phí ngân sách cấp Thành phố thực hiện: **185,4 tỷ đồng**

+ Kinh phí ngân sách Thành phố cấp bổ sung cho ngân sách cấp xã thực hiện: **301,1 tỷ đồng**

+ Kinh phí ngân sách cấp xã thực hiện: **183 tỷ đồng**

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

2. Thời gian trình ban hành

Kỳ họp thường lệ cuối năm của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội (kỳ họp thứ 28).

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định về một số chính sách phát triển nông nghiệp thành phố Hà Nội (thực hiện khoản 2 Điều 32 Luật Thủ đô), Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

Xin gửi kèm theo:

- Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố;
- Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý dự thảo nghị quyết;
- Bản so sánh, thuyết minh dự thảo nghị quyết;
- Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND năm 2024 – 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Báo cáo thẩm định dự thảo Nghị quyết của Sở Tư pháp;
- Báo cáo của Sở Nông nghiệp và Môi trường giải trình nội dung thẩm định dự thảo Nghị quyết của Sở Tư pháp;
- Các tài liệu, hồ sơ liên quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bí thư Thành ủy;
- Chủ tịch UBND TP;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Văn phòng Thành ủy;
- Các Ban HĐND TP: Đô Thị, KTNS, Pháp chế;
- Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP B.V.Thắng, NNMT, TH;
- Lưu VT, NNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Thu Hà

**Phụ lục. TỔNG KINH PHÍ DỰ KIẾN THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH MỘT SỐ CHÍNH SÁCH
PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HÀ NỘI (thực hiện khoản 2 Điều 32 Luật Thủ đô)**
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND Thành phố Hà Nội)

ĐVT. 1000 đồng

TT	NỘI DUNG	Tổng kinh phí	Ngân sách Thành phố		Ngân sách xã	Đối ứng của tổ chức, cá nhân
			Ngân sách TP thực hiện	Cấp bổ sung cho ngân sách cấp xã		
1	Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường	33.450.000	11.150.000		22.300.000	
2	Hỗ trợ cấp mã số vùng trồng	3.061.600	3.061.600			
3	Hỗ trợ truy xuất nguồn gốc, chứng nhận sản phẩm nông nghiệp	6.600.000	2.350.000	4.250.000		
4	Hỗ trợ công tác triển khai, chi trả hỗ trợ sản xuất của thôn/khu phố, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc tổ hợp tác	12.190.000		12.190.000		
5	Hỗ trợ sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản	113.750.000	41.875.000			71.875.000
6	Hỗ trợ theo Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp	60.000.000	10.000.000			50.000.000
7	Hỗ trợ giống để sản xuất lúa tại các vùng quy hoạch trồng lúa năng suất, chất lượng cao; vùng sản xuất lúa tập trung (55.000 ha sản xuất lúa năng xuất, chất lượng cao)	290.400.000			145.200.000	145.200.000

TT	NỘI DUNG	Tổng kinh phí	Ngân sách Thành phố		Ngân sách xã	Đối ứng của tổ chức, cá nhân
			Ngân sách TP thực hiện	Cấp bổ sung cho ngân sách cấp xã		
8	Hỗ trợ cơ sở sơ chế, chế biến, bảo quản giống, bảo quản nông sản	163.000.000	23.000.000			140.000.000
a	Hỗ trợ tín dụng	143.000.000	13.000.000			130.000.000
-	Tổ chức (8 cơ sở, mỗi cơ sở đầu tư 10 tỷ đồng thì được hỗ trợ 1 tỷ đồng/cơ sở x 8 cơ sở)	88.000.000	8.000.000			80.000.000
-	Cá nhân (10 cơ sở, mỗi cơ sở đầu tư 5 tỷ đồng thì được hỗ trợ 500 triệu đồng/cơ sở x 10 cơ sở)	55.000.000	5.000.000			50.000.000
b	Hỗ trợ thiết bị, máy móc	20.000.000	10.000.000			10.000.000
9	Chính sách hỗ trợ cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung	160.160.000		26.960.000		133.200.000
a	Hỗ trợ lãi suất (4 cơ sở, mỗi cơ sở đầu tư 25 tỷ đồng thì được hỗ trợ 2,5 tỷ đồng/cơ sở x 4 cơ sở)	110.000.000		10.000.000		100.000.000
b	Hỗ trợ lãi suất khi mua xe ô tô	25.520.000		2.320.000		23.200.000
c	Hỗ trợ chi phí giết mổ	20.000.000		10.000.000		10.000.000
d	Hỗ trợ xử lý nước thải	4.640.000		4.640.000		-
10	Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp (8 cơ sở, mỗi cơ sở đầu tư 15 tỷ thì được hỗ trợ 1,5 tỷ/cơ sở x 8 cơ sở)	142.000.000		22.000.000		120.000.000

TT	NỘI DUNG	Tổng kinh phí	Ngân sách Thành phố		Ngân sách xã	Đối ứng của tổ chức, cá nhân
			Ngân sách TP thực hiện	Cấp bổ sung cho ngân sách cấp xã		
11	Chính sách thực hiện cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp	165.000.000	2.500.000	81.250.000		81.250.000
a	Hỗ trợ tín dụng	2.500.000	2.500.000			
b	Hỗ trợ mua máy cấy, thiết bị gieo mạ khay phục vụ cơ giới hóa trong sản xuất lúa (Mức hỗ trợ 200 triệu đồng/máy x 200 máy/năm)	80.000.000		40.000.000		40.000.000
c	Hỗ trợ chi phí cấy máy, phun thuốc bảo vệ thực vật bằng thiết bị bay không người lái (Mức hỗ trợ cấy máy 2 triệu đồng/ha + phun thuốc BVTV 500 nghìn đồng/ha. Tương đương 2.500 nghìn đồng/ha x 16.500 ha/năm)	82.500.000		41.250.000		41.250.000
12	Hỗ trợ khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thông minh (mỗi năm hỗ trợ 15 tổ chức, cá nhân)	45.000.000	22.500.000			22.500.000
13	Hỗ trợ xây dựng nhà màng, nhà lưới để sản xuất một số loại cây trồng có giá trị kinh tế cao (mỗi năm hỗ trợ 15 tổ chức, cá nhân)	20.000.000		20.000.000		-
14	Hỗ trợ phát triển sản xuất trồng trọt hữu cơ (mỗi năm hỗ trợ khoảng 200 ha lúa, 50 ha cây trồng khác)	15.000.000		7.500.000		7.500.000
15	Chính sách hỗ trợ xây dựng mô hình nông nghiệp kết hợp du lịch (Mỗi năm hỗ trợ khoảng 18 tổ chức, cá nhân)	108.000.000	54.000.000			54.000.000

TT	NỘI DUNG	Tổng kinh phí	Ngân sách Thành phố		Ngân sách xã	Đối ứng của tổ chức, cá nhân
			Ngân sách TP thực hiện	Cấp bổ sung cho ngân sách cấp xã		
16	Chính sách hỗ trợ bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp	125.003.200		62.501.600		62.501.600
a	Hỗ trợ xử lý phụ phẩm cây trồng, rom rạ	88.960.000		44.480.000		44.480.000
b	Hỗ trợ xử lý chất thải chăn nuôi	4.993.200		2.496.600		2.496.600
c	Hỗ trợ xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản	31.050.000		15.525.000		15.525.000
17	Hỗ trợ trang thiết bị, công nghệ xử lý chất thải trong chăn nuôi	21.000.000		18.000.000		3.000.000
18	Hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp	60.000.000	15.000.000		15.000.000	30.000.000
19	Hỗ trợ phát triển sản xuất cây vụ Đông trên đất trồng lúa	108.000.000		54.000.000		54.000.000
	Tổng	1.636.614.800	185.436.600	301.151.600	182.500.000	967.526.600